

Số: /KH-TTNS

Quảng Ngãi, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn

Triển khai Kế hoạch số 24/KH-SNNMT ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (*Trung tâm/đơn vị*) xây dựng Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 tại đơn vị, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi khóa I (*nhiệm kỳ 2025-2030*)¹, Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026² và Kế hoạch số 24/KH-SNNMT ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn; từng bước mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng sử dụng nước sạch, bảo đảm cung cấp nước an toàn, ổn định, liên tục và bền vững cho người dân nông thôn.

c) Làm căn cứ để các phòng chuyên môn, các Trạm cấp nước trực thuộc Trung tâm xây dựng kế hoạch công tác, tổ chức triển khai nhiệm vụ, theo dõi, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2026.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm, phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh và của Sở Nông nghiệp và Môi trường; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

¹ Phân đầu đến năm 2030, trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

² Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch dự kiến năm 2026 đạt 63,60% (*ước thực hiện năm 2025: 62,0%*).

b) Phân công rõ trách nhiệm của từng phòng chuyên môn và các Trạm cấp nước; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, đúng trọng tâm, tránh chồng chéo.

c) Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan và chính quyền địa phương để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Các phòng chuyên môn và các Trạm cấp nước chủ động theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp đối với các nội dung có nguy cơ không hoàn thành kế hoạch, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu năm 2026.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm cấp nước sạch nông thôn an toàn, ổn định, liên tục và bền vững cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; từng bước mở rộng phạm vi cấp nước, nâng cao tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật theo mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

Tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn hiện có; đẩy mạnh phát triển khách hàng sử dụng nước sạch; hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng và giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án cấp nước nông thôn theo kế hoạch.

Đồng thời, tăng cường kiểm soát chất lượng nước, bảo vệ nguồn nước, chủ động ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm, cải thiện chất lượng phục vụ người dân và đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn năm 2026.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn: Góp phần thực hiện đạt **63,6%** theo chỉ tiêu của ngành nông nghiệp và môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm 2026.

- Phát triển khách hàng sử dụng nước sạch: Phân đầu phát triển thêm **1.600 hộ dân** (khách hàng) sử dụng nước sạch, tăng khoảng **6,32%** so với năm 2025, theo Kế hoạch phát triển khách hàng năm 2026 (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Thực hiện đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công: Hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng và **giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công** đối với các dự án cấp nước sạch nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026³.

³ Đã đề nghị chuyển tiếp 02 dự án sang năm 2026, gồm: Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Tịnh Bắc – Tịnh

- Tiếp nhận và khai thác công trình cấp nước: Tiếp nhận, quản lý và đưa vào khai thác **ít nhất 03 công trình** cấp nước sạch nông thôn từ các địa phương, đơn vị đang quản lý trong năm 2026; bảo đảm vận hành an toàn, hiệu quả⁴.

- Quản lý, vận hành hệ thống cấp nước: Tổ chức quản lý, vận hành **100%** công trình cấp nước sạch nông thôn do Trung tâm quản lý hoạt động ổn định, an toàn, bảo đảm cấp nước liên tục, không để xảy ra tình trạng gián đoạn cấp nước kéo dài.

- Kiểm soát chất lượng nước: Thực hiện đầy đủ công tác nội kiểm, giám sát chất lượng nước theo Kế hoạch kiểm soát chất lượng nước năm 2026; **100%** mẫu nước kiểm nghiệm đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định, theo Kế hoạch kiểm soát chất lượng nội kiểm năm 2026 ban hành tại Kế hoạch số 468/KH-TTNS ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn⁵.

- Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực cấp nước nông thôn: Hoàn thành **02 nhiệm vụ chuyển đổi số** trong quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước nông thôn trong năm 2026 theo Kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Môi trường, tập trung vào ứng dụng công nghệ số trong giám sát vận hành và quản lý khách hàng sử dụng nước sạch⁶.

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nội dung nhiệm vụ

Trong năm 2026, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Quản lý, vận hành hệ thống cấp nước sạch nông thôn: Tổ chức quản lý, vận hành an toàn, ổn định, liên tục các công trình cấp nước sạch nông thôn do Trung tâm quản lý; bảo đảm cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, không để xảy ra tình trạng gián đoạn cấp nước kéo dài hoặc sự cố nghiêm trọng.

- Phát triển khách hàng sử dụng nước sạch: Rà soát phạm vi cấp nước của các công trình; tổ chức khảo sát, vận động người dân đầu nối, sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu phát triển khách hàng sử dụng nước sạch năm 2026 theo kế hoạch được giao.

- Thực hiện đầu tư xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công: Tổ chức triển khai các dự án cấp nước sạch nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; hoàn thành đầu tư, đưa công trình vào sử dụng và giải

Đông, huyện Sơn Tịnh và dự án Nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức.

⁴ Ủy ban nhân dân xã Long Phụng đã có văn bản đề nghị bàn giao công trình Hệ thống nước sinh hoạt 3 thôn: Gia Hoà, Tân Định, Dương Quang cho Trung tâm quản lý, vận hành tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 02/02/2026.

⁵ Thực hiện đảm bảo theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (QCĐP 01:2023/QNg) và Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kon Tum (QCĐP 01:2025/KT) và các văn bản hướng dẫn liên quan.

⁶ tại Kế hoạch số 19/KH-SNNMT ngày 28/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công được giao trong năm 2026, bao gồm các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2025 sang năm 2026.

- Tiếp nhận, quản lý và khai thác các công trình cấp nước: Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tài sản các công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy định; tổ chức quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả các công trình sau khi tiếp nhận.

- Kiểm soát, giám sát chất lượng nước: Thực hiện đầy đủ công tác nội kiểm, giám sát chất lượng nước tại các Trạm cấp nước; tổ chức lấy mẫu, kiểm nghiệm, theo dõi, lưu trữ hồ sơ chất lượng nước theo quy định; bảo đảm chất lượng nước thành phẩm đạt quy chuẩn kỹ thuật.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực cấp nước nông thôn: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao, từng bước ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành công trình, quản lý khách hàng, giám sát sản lượng và chất lượng nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm.

- Thực hiện công tác phối hợp, báo cáo và kiểm tra: Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong quá trình triển khai nhiệm vụ; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch)

2. Giải pháp trọng tâm

a) Giải pháp về quản lý, vận hành công trình cấp nước

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn theo đúng quy trình, quy định kỹ thuật; chủ động xây dựng và triển khai phương án **cấp nước an toàn, liên tục**, nhất là trong mùa khô hạn và thời điểm nhu cầu sử dụng nước tăng cao.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị; kịp thời phát hiện, xử lý các sự cố kỹ thuật, không để xảy ra tình trạng **gián đoạn cấp nước kéo dài**.

- Nâng cao trách nhiệm của các Trạm cấp nước trong công tác quản lý tài sản, sử dụng hiệu quả công trình được giao; gắn trách nhiệm người đứng đầu Trạm với kết quả vận hành và chất lượng dịch vụ cấp nước.

b) Giải pháp về phát triển khách hàng sử dụng nước sạch

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân đầu nôi, sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Rà soát các khu vực có khả năng mở rộng mạng lưới cấp nước, xây dựng kế hoạch phát triển khách hàng phù hợp với điều kiện thực tế từng địa bàn, từng công trình.

- Gắn công tác phát triển khách hàng với việc **nâng cao chất lượng dịch vụ**, bảo đảm chất lượng nước, cải thiện thái độ phục vụ và tạo niềm tin cho người sử dụng nước.

c) Giải pháp về đầu tư xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công

- Chủ động tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét **kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026** đối với các dự án cấp nước sạch nông thôn dở dang theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc triển khai các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; bảo đảm hoàn thành đầu tư, đưa công trình vào sử dụng đúng tiến độ.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư; phân đấu **giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn** được giao.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình và thanh quyết toán vốn đầu tư.

d) Giải pháp về tiếp nhận, quản lý và khai thác công trình cấp nước

- Chủ động phối hợp với các địa phương, đơn vị đang quản lý công trình để tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tài sản các công trình cấp nước theo đúng quy định.

- Sau khi tiếp nhận, tổ chức đánh giá hiện trạng công trình, xây dựng phương án quản lý, vận hành phù hợp nhằm **khai thác hiệu quả, bền vững** công trình cấp nước sạch nông thôn.

đ) Giải pháp về kiểm soát chất lượng nước

- Thực hiện đầy đủ công tác nội kiểm, giám sát chất lượng nước theo Kế hoạch kiểm soát chất lượng nước năm 2026 đã được phê duyệt; bảo đảm kiểm nghiệm đầy đủ các thông số theo quy định.

- Tăng cường trách nhiệm của các Trạm cấp nước trong việc lấy mẫu, kiểm nghiệm, lưu trữ hồ sơ và báo cáo kết quả chất lượng nước; kịp thời xử lý khi phát hiện mẫu nước không đạt quy chuẩn.

- Chủ động các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi chất lượng nguồn nước biến động do thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu.

e) Giải pháp về chuyển đổi số trong quản lý, vận hành cấp nước

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao; tập trung phát triển, hoàn thiện các **nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung** phục vụ quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước nông thôn.

- Từng bước ứng dụng công nghệ số trong theo dõi sản lượng nước, quản lý khách hàng, giám sát vận hành công trình và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Trung tâm.

- Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước theo định hướng chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Trung tâm

- Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành chung việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo các phòng chuyên môn và các Trạm cấp nước trong quá trình thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

- Các Phó Giám đốc Trung tâm theo lĩnh vực được phân công, chịu trách nhiệm giúp Giám đốc theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Kế hoạch; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông trong việc xây dựng kế hoạch công tác năm; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch để tham mưu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và các Trạm cấp nước.

- Bảo đảm các điều kiện về nhân sự, hành chính, tài chính phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch; thực hiện công tác tham mưu, ban hành và truyền đạt kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Trung tâm.

3. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu xây dựng, triển khai và theo dõi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến phát triển khách hàng, đầu tư xây dựng, tiếp nhận công trình cấp nước, kiểm soát chất lượng nước và chuyển đổi số theo Kế hoạch.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư; tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; bảo đảm **giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công** theo quy định.

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý kỹ thuật, vận hành công trình và kiểm soát chất lượng nước tại các Trạm cấp nước; kịp thời tham mưu xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh.

- Thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền về sử dụng nước sạch, phát triển khách hàng và các hoạt động của Trung tâm; phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch được giao.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền; thời hạn báo cáo **chậm nhất ngày 14 hằng tháng và ngày 14 của tháng cuối quý**.

4. Các Trạm cấp nước

- Trực tiếp tổ chức quản lý, vận hành an toàn, ổn định, liên tục các công trình cấp nước được giao; bảo đảm cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân, không để xảy ra tình trạng gián đoạn cấp nước kéo dài hoặc sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân.

- Chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Trung tâm về kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển khách hàng sử dụng nước sạch, sản lượng nước cấp, chất lượng nước và hiệu quả vận hành công trình.

- Thực hiện đầy đủ công tác nội kiểm, giám sát chất lượng nước theo quy định; tổ chức lấy mẫu, kiểm nghiệm, ghi chép, lưu trữ hồ sơ và báo cáo kết quả chất lượng nước đúng quy định; kịp thời phát hiện, xử lý và báo cáo các trường hợp mẫu nước không đạt quy chuẩn.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động người dân đầu nôi, sử dụng nước sạch; bảo vệ công trình cấp nước và hành lang an toàn công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị; chủ động xây dựng và triển khai phương án cấp nước an toàn, nhất là trong mùa khô hạn, thời điểm nhu cầu sử dụng nước tăng cao.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình quản lý, vận hành công trình, sản lượng nước, số lượng khách hàng, sự cố kỹ thuật và các nội dung liên quan theo yêu cầu của Trung tâm; kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh để được xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Chủ động tham gia, phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước nông thôn theo Kế hoạch của Trung tâm và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn. Trong quá trình triển khai thực hiện; trường hợp có khó khăn vướng mắc, theo nhiệm vụ được giao, các phòng chủ động báo cáo đề xuất Lãnh đạo Trung tâm biết, kịp thời chỉ đạo triển khai. Yêu cầu Lãnh đạo Trung tâm; các phòng chuyên môn và các Trạm cấp nước trực thuộc Trung tâm nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Trung tâm;
- Các phòng: HC-TH, KH-KT và Truyền thông;
- Các Trạm cấp nước;
- Trang TTĐT của Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cao Trí

Phu lục 1
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số 79/KH-TTNS ngày 10/02/2026 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn)

STT	Tên Trạm cấp nước	Phạm vi cấp nước (xã/phường)	Công suất cấp nước (hộ)		Dự kiến phát triển khách hàng năm 2026	Tăng so với năm 2025	
			Thiết kế	Thực tế năm 2025		Số hộ	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng:		34.657	25.330	26.930	1.600	6,32
1	Trạm Bình Chánh	xã Bình Sơn	1.600	1.288	1.288	-	0,00
2	Trạm Bình Minh	xã Bình Minh	600	85	300	215	252,94
3	Trạm Bình Hải	xã Vạn Tường	2.000	1.997	1.997	-	0,00
4	Trạm Bình Thới	xã Bình Sơn	675	921	921	-	0,00
5	Trạm Bình Trung	xã Bình Sơn	1.500	1.120	1.120	-	0,00
6	Trạm Trì Bình	xã Bình Sơn	1.125	462	800	338	73,16
7	Trạm Khê - Kỳ	xã Tịnh Khê	1.600	931	931	-	0,00
8	Trạm Tịnh Hòa	xã Đông Sơn	660	563	563	-	0,00
9	Trạm Tịnh Thiện	xã Tịnh Khê	660	430	430	-	0,00
10	Trạm Nghĩa Phú	xã An Phú	950	425	425	-	0,00
	(Cổ Lũy Làng Cá)			277	300	23	8,30
11	Trạm Nghĩa Hòa	xã Tư Nghĩa	900	566	600	34	6,01
12	Trạm Hà - Sơn	xã Sơn Tịnh	1.640	962	1.000	38	3,95
13	Trạm Tịnh Giang	xã Trường Giang	800	312	400	88	28,21

STT	Tên Trạm cấp nước	Phạm vi cấp nước (xã/phường)	Công suất cấp nước (hệ)		Dự kiến phát triển khách hàng năm 2026	Tăng so với năm 2025	
			Thiết kế	Thực tế năm 2025		Số hộ	Tỷ lệ (%)
14	Trạm Hành Đức	xã Đình Cương	950	123	160	37	30,08
15	Trạm Đức Thắng	xã Long Phụng	900	837	1.000	163	19,47
16	Trạm Đức Lợi	xã Long Phụng	1.800	959	1.200	241	25,13
17	Trạm Đức Chánh	xã Mỏ Cày	1.400	2.149	2.149	-	0,00
18	Trạm Hòa - Thạnh	Các xã: Mộ Đức, Mỏ Cày	2.000	909	1.000	91	10,01
19	Trạm Đức Phú	xã Mộ Đức	830	530	600	70	13,21
20	Trạm Đức Lân	xã Lân Phong	1.000	906	906	-	0,00
21	Trạm Phở Thuận	Phường Trà Câu	1.500	551	600	49	8,89
22	Trạm Phở Phong	xã Nguyễn Nghiêm	1.500	378	500	122	32,28
23	Trạm Phở Vinh	Phường Đức Phở	900	1.033	1.033	-	0,00
24	Trạm Diên Bình - Đăk Hring	Các xã: Đăk Tô, Đăk Mar	2.200	1.992	1.992	-	0,00
25	Trạm Đăk Cấm	xã Đăk Cấm	800	902	902	-	0,00
26	Trạm Đăk La	xã Đăk Hà	1.622	1.135	1.200	65	5,73
27	Trạm Hòa Bình	xã Đăk Rơ Wa	700	674	700	26	3,86
28	Trạm Ia Chim	xã Ia Chim	845	1.000	1.000	-	0,00
29	Trạm Tân Cảnh	xã Đăk Tô	1.000	913	913	-	0,00

Phụ lục 2**DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 79/KH-TTNS ngày 10/02/2026 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
1	Quản lý, vận hành an toàn, ổn định các công trình cấp nước nông thôn	Các Trạm cấp nước	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Thường xuyên	Cấp nước liên tục, không gián đoạn
2	Phát triển khách hàng sử dụng nước sạch (<i>khảo sát nhu cầu, tổ chức đấu nối cấp nước cho hộ dân thuộc phạm vi cấp nước của các công trình do Trung tâm quản lý, vận hành</i>)	Các Trạm cấp nước	Phòng Hành chính – Tổng hợp; Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Thường xuyên	Phấn đấu phát triển 1.600 khách hàng mới
3	Thực hiện đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng và giải ngân các dự án cấp nước sạch nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (<i>sau khi được cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026</i>)	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Phòng Hành chính – Tổng hợp, các đơn vị liên quan	Trước 31/12/2026	Giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công
4	Tiếp nhận, quản lý và khai thác các công trình cấp nước	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường	Năm 2026	Tiếp nhận ít nhất 03 công trình và đưa vào khai thác hiệu quả
5	Kiểm soát, giám sát chất lượng nước tại các Trạm cấp nước do Trung tâm quản lý, vận hành	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Các Trạm cấp nước	Thường xuyên	100% mẫu nước đạt quy chuẩn

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì tham mưu	Cơ quan/Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/kết quả
6	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ cấp nước nông thôn	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị công nghệ (VNPT/Viettel...)	Năm 2026	Hoàn thành 02 nhiệm vụ chuyển đổi số, gồm: (i) Ứng dụng cảm biến IoT giám sát lưu lượng, áp lực, chất lượng nước và kết nối giám sát thời gian thực; (ii) Xây dựng, triển khai nền tảng quản lý khách hàng sử dụng nước trực tuyến tích hợp thanh toán, tiếp nhận phản ánh
7	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện Kế hoạch theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và Truyền thông	Phòng Hành chính – Tổng hợp, Các Trạm cấp nước	Định kỳ, đột xuất	Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn